TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-05-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoa Thế Vinh và bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 14 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2026, về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/02/1992; căn cước công dân số: 089192022717 địa chỉ: số H, tổ B, ấp M, xã N, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh ngày 03/05/1994; căn cước công dân số: 089084022437; địa chỉ: ấp A, xã H, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L trình bày: Bà L và ông Nguyễn Phước T quen nhau tiến đến hôn nhân năm 2011, hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là xã H), tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn, chồng ham mê cờ bạc, số đề dẫn đến nợ nần, rất nhiều lần vỡ nợ và đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không bỏ, thời gian sau này phát hiện có quen nhiều người phụ nữ bên ngoài và có con riêng, làm bao nhiêu lo con khác bên ngoài, cũng có khuyên ngăn nhưng vẫn không chịu bỏ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T1, sinh 25/02/2014; Nguyễn Phước T2, sinh ngày 12/04/2021. Hiện nay do bà L đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Phước T không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Phương L khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Nguyễn Phước T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn xã H, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Nguyễn Thị Phương L có văn bản xin vắng mặt, ông Nguyễn Phước T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Phước T là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 161/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/08/2011. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày là do chồng ham mê cờ bạc, số đề dẫ đến nợ nần, rất nhiều lần vở nợ và đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không bỏ, thời gian sau này phát hiện có quen nhiều người phụ nữ bên ngoài và có con riêng, làm bao nhiêu lo con khác bên ngoài, cũng có khuyên ngăn nhưng vẫn không chịu bỏ. Hội đồng xét xử thấy rằng bà L xin ly hôn với ông T, bà L, ông T sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Phương L trình bày là vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T1, sinh 25/02/2014; Nguyễn Phước T2, sinh ngày 12/04/2021. Hiện nay 02 con chung do bà L đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, các con chung còn nhỏ đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T1, cháu có nguyện vọng được sống cùng với bà L trong trường hợp bà L, ông T ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T1, sinh 25/02/2014; Nguyễn Phước T2, sinh ngày 12/04/2021 cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương L khởi kiện xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương L khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương L.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Phương L ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

2) Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương L được tiếp tục nuôi con chung là: Nguyễn Ngọc Cẩm T1, sinh 25/02/2014; Nguyễn Phước T2, sinh ngày 12/04/2021.

Bà Nguyễn Thị Phương L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Phước T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương L khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương L khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên

lai thu số 301840 ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Phương L đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Hội An, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng